

Số: 1136/BC-CTSN-TCKT

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2020

## BÁO CÁO

### GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2019

Kính gửi: - Sở Tài chính Hà Nội;  
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về Giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ;

Thực hiện Văn bản số 215/STC-TCDN ngày 14/01/2020 của Sở Tài chính về việc nộp báo cáo tài chính, báo cáo giám sát, đánh giá hiệu quả, xếp loại doanh nghiệp năm 2019 và xây dựng kế hoạch tài chính năm 2020; Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ kính báo cáo đánh giá tình hình tài chính năm 2019 như sau:

#### **I. Đặc điểm tình hình hoạt động của doanh nghiệp :**

##### **1. Khái quát chung:**

Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, hoạt động công ích. Nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh chính là tưới, tiêu, phòng chống lụt, bão phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế trong lưu vực thuộc thành phố Hà Nội và tỉnh Hà Nam, với diện tích phục vụ tưới cho trên 45.000 ha, tiêu thoát nước phục vụ sản xuất, dân sinh, kinh tế cho 107.530 ha lưu vực; tư vấn, thiết kế xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi; xây dựng dân dụng, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Tổng số CBCNV của Công ty (đến ngày 31/12/2019) là 1.196 người, trong đó 334 người có trình độ đại học và thạc sỹ, 862 người có trình độ cao đẳng, trung cấp và công nhân kỹ thuật.

- Cán bộ quản lý doanh nghiệp gồm:

- + 01 Chủ tịch;
- + 01 Tổng Giám đốc;
- + 03 Phó Tổng Giám đốc;
- + 01 Kế toán trưởng;
- + 01 Kiểm soát viên.

- Các đơn vị trực thuộc Công ty có 13 đơn vị gồm: 04 phòng chức năng; 08 Xí nghiệp Thủy lợi: Ứng Hoà, Hồng Vân, Phú Xuyên, Liên Mạc, Hà Đông, Nhật Tựu, Thanh Trì, Từ Liêm và 01 Xí nghiệp tư vấn xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## **2. Thuận lợi và khó khăn:**

\* Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND Thành phố, các Sở, Ngành thuộc Thành Phố và trực tiếp là Liên Sở Tài chính - Nông nghiệp&PTNT, các địa phương trong lưu vực hệ thống thủy lợi Sông Nhuệ đối với công tác tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng chống thiên tai;

- Tập thể lãnh đạo Công ty đoàn kết, CBCNV yên tâm công tác gắn bó với cơ quan, quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

\* Khó khăn:

Năm 2019, Công ty gặp rất nhiều khó khăn về tài chính. Nhưng dưới sự chỉ đạo của UBND Thành phố và trực tiếp là Liên Sở Tài chính - Nông nghiệp&PTNT, Lãnh đạo và CBCNV Công ty đã khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

## **II. Tình hình hoạt động phục vụ sản xuất:**

- Công ty đã điều hành hệ thống phục vụ tốt công tác tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội, đảm bảo đủ nước cho các địa phương gieo trồng đúng kế hoạch.

- Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện tốt phương án phòng, chống lụt, bão, úng trên địa bàn phụ trách, góp phần hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Công tác kiểm tra công trình được thực hiện thường xuyên, nhất là thời điểm trước và sau mùa mưa lũ, báo cáo Tổng Cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và PTNT theo quy định. Công tác bảo vệ chống lấn chiếm vi phạm công

trình được thực hiện thường xuyên, liên tục, luôn phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện.

- Phối hợp cùng với các hệ thống thủy lợi khác trên địa bàn, góp phần ổn định, phát triển ngành nông nghiệp, ổn định đời sống dân sinh của người dân; cùng với các ngành nghề khác phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **III. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:**

Công ty đã sử dụng nguồn kinh phí đặt hàng đúng mục đích, đúng đối tượng vào hoạt động quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Thực hiện tốt việc quản lý doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, chấp hành chế độ báo cáo tài chính đầy đủ, kịp thời và chính xác.

Việc lập và sử dụng quỹ của doanh nghiệp phù hợp theo chế độ quy định và theo Quy chế sử dụng quỹ phúc lợi tập thể của Công ty được thông qua Đại hội đại biểu CNVC hàng năm.

Thực hiện tốt việc quản lý sử dụng tiền vốn, tài sản, vật tư để phục vụ sản xuất, bảo toàn vốn và tài sản được giao.

#### **1. Công tác bảo toàn và phát triển vốn**

- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 01/01/2019: 1.331.666 triệu đồng;

- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2019: 1.577.953 triệu đồng;

Trong đó:

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 1.576.522 triệu đồng

+ Quỹ Đầu tư phát triển : 1.431 triệu đồng

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2019 : 1.674.212 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 8.309 triệu đồng.

Năm 2019, Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ bảo toàn và phát triển vốn nhà nước 1,185 lần (Vốn NN cuối kỳ/ Vốn NN đầu kỳ).

#### **2. Về việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp**

*a. Hoạt động đầu tư vốn đối với các dự án đầu tư, gồm: Nguồn vốn huy động, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tiến độ giải ngân vốn đầu tư:*

Năm 2019, Công ty được UBND Thành phố giao là Chủ đầu tư thực hiện dự án Lắp đặt khẩn cấp Trạm bơm dã chiến Quang Lăng, huyện Phú Xuyên; mục tiêu dự án là cấp nước từ sông Hồng tưới cho 1.780ha đất nông nghiệp, rau an toàn và nuôi trồng thủy sản xua các xã vùng miền Đông và miền Trung Tây huyện Phú Xuyên. Tổng kinh phí đầu tư là 35.420 triệu đồng, từ nguồn vốn ngân sách thành phố Hà Nội. Dự kiến toàn bộ dự án hoàn thành trong năm 2020

và đến 30/4/2020 dự án sẽ hoàn thành các hạng mục công trình chính. Công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng đã và đang được Công ty và các đơn vị liên quan thực hiện theo đúng trình tự và quy định hiện hành của Nhà nước.

*b. Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:* Không phát sinh.

*c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động, phát hành trái phiếu:* Không phát sinh.

*d. Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.*

- Quản lý tài sản: Công ty thực hiện quản lý tài sản theo quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư mua sắm, sửa chữa nâng cấp, trích khấu hao TSCĐ. Tính đến 31/12/2019, tổng tài sản của Công ty là 1.674.212 triệu đồng, tăng 179.156 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 12 % so với đầu năm 2019. Trong đó, tài sản ngắn hạn là 57.245,28 triệu đồng, giảm 16.649,22 triệu đồng so với đầu năm 2019; tài sản dài hạn là 1.630.163 triệu đồng, tăng 209.001 triệu đồng.

- Tình hình diễn biến tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

+ Tăng trong kỳ: 214.515 triệu đồng (Nhập tăng TSCĐ)

+ Giảm trong kỳ: 215 triệu đồng (Giảm nguyên giá TSCĐ do thanh lý)

- Quản lý nợ: Thực hiện Văn bản của Sở Tài chính số 08/CV-TCDN ngày 24/01/2014 của Chi cục Tài chính doanh nghiệp về việc triển khai thực hiện Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Ngày 12/4/2014 Công ty đã ban hành Quyết định số 506/QĐ- CTSN-TV kèm theo Quy chế quản lý nợ và triển khai thực hiện quản lý nợ theo Quy chế đã ban hành.

+ Nợ phải thu đến ngày 31/12/2019 là 48.052 triệu đồng,

+ Nợ phải trả đến ngày 31/12/2019 là 116.338 triệu đồng;

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn là 0,41 lần, thể hiện tại thời điểm 31/12/2019 Công ty có khả năng thanh toán nợ đến hạn.

- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu là 0,07 lần phản ánh các tài sản của doanh nghiệp được tài trợ chủ yếu bởi nguồn vốn chủ sở hữu.

*e. Tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp.*

- Tiền và tương đương tiền đầu kỳ là: 7.275 triệu đồng.

- Tiền và tương đương tiền cuối kỳ là 8.620 triệu đồng.

- Lượng tiền mặt tạo ra đủ để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính và để thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp.

### **3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp**

a. Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch.

- Việc thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch: Công ty đã cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu dân sinh xã hội trên địa bàn đảm bảo khối lượng, chất lượng và thời hạn theo đúng yêu cầu đặt hàng do Thành phố quy định;

Kết quả thực hiện công tác đặt hàng năm 2019: Tổng diện tích tưới, tiêu nghiệm thu 147.160,66ha/ Kế hoạch 171.241,23ha, đạt 85,94%

Nguyên nhân diện tích tưới, tiêu giảm giữa kế hoạch so với nghiệm thu:

- + Diện tích giảm do dân bỏ ruộng không trồng;
- + Diện tích giảm do dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng;
- + Diện tích giảm do chuyển đổi mục đích sử dụng: Thu hồi đất nông nghiệp làm dự án xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, làm nhà văn hóa, làm đường giao thông nội đồng...

b. Kết quả hoạt động kinh doanh: Doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA).

Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 theo Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND thành phố Hà Nội được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch- QĐ số 2589/QĐ-UBND	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ (%) TH/KH
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	triệu đồng	185.331	176.430	95,20%
1.1	Doanh thu đặt hàng	triệu đồng	185.068	176.285	95,25%
1.2	Thu nhập khác	triệu đồng	263	145	
2	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	7.442	8.309	111,65%

- Doanh thu và thu nhập năm 2019 đạt 176.430 triệu đồng/Kế hoạch 185.331 triệu đồng, đạt 95,2%

- Lợi nhuận sau thuế: 8.309 triệu đồng/KH 7.442 triệu đồng, đạt 111,65%

- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE): 0,57%.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA): 0,35%.

c. Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng chính sách pháp luật đối với ngân sách nhà nước. Trong năm, Công ty đã nộp ngân sách nhà nước 700,99 triệu đồng  
*d. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.*

- Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	1.431,12			1.431,12
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	1.003,18	8.457,89	8.510,28	950,79
3. Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên	65,00	120	120	65

**4. Việc chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; ban hành và thực hiện quy chế quản lý tài chính của doanh nghiệp**

- Công ty luôn chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Ngày 27/9/2011, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 4483/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy chế Quản lý tài chính Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ.

**5. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết:**

Ngày 30/7/2019, UBND Thành phố ban hành quyết định số 4064/QĐ-UBND về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ; theo đó, vốn điều lệ của Công ty điều chỉnh tăng từ 600.000.000.000 đồng lên 2.155.000.000.000 đồng.

**6. Việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động**

Năm 2019, Công ty mới được tạm ứng 90% kinh phí thực hiện đặt hàng theo Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 17/4/2019, do vậy, Công ty thực hiện tạm ứng các chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp đúng theo quy định

-Kinh phí tiền lương tạm ứng cho người lao động: 46.911 triệu đồng.

- Kinh phí tiền lương tạm ứng cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, cán bộ gián tiếp: 4.678 triệu đồng.

- Kinh phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ: 17.162 triệu đồng.

#### **IV. Đề xuất của doanh nghiệp:**

Trên cơ sở nội dung Báo cáo phân tích đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động của Công ty năm 2019. Đối chiếu quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính. Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ tự xếp loại doanh nghiệp: Loại A

(Kèm theo báo cáo gồm các biểu số: 02.C, 02.D, 02.Đ, 05.A, 05.B, 06.B, 06.C).

Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ kính báo cáo Sở Tài chính Hà Nội, nội dung như trên./.

#### **Nơi nhận:**

- Như đề gửi; ✓
- Sở NN &PTNT (b/c); ✓
- TGD Công ty; ✓
- Các PTGD Công ty;
- KSVCông ty; ✓
- Lưu VT; TCKT.



**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư ( triệu đồng)					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn huy động			Thực hiện đến ngày 31/12/2019 (Triệu đồng)			Giải ngân đến ngày 31/12/2019 (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (triệu đồng)
			Tổng	Vốn Tự có	%	Vốn huy động	%		Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Các dự án nhóm A																	
B	Các dự án nhóm B																	
1	Dự án lắp đặt khẩn cấp Trạm bơm dã chiến Quang Lăng	586/QĐ-SNN ngày 10/4/2019; 2743/QĐ-SNN ngày 27/12/2019	35.420					2020					18.336	18.336				
C	Các dự án nhóm khác		-	-														

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Hiền Hường



Vũ Mạnh Hùng



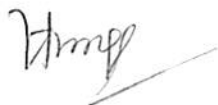
**TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Thực hiện năm 2019		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Kế hoạch năm 2019
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
<b>A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b>							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu ( ha)							
-Diện tích tưới, tiêu (quy đổi ra lúa)	59.157,79	59.337,68	61.864,84	61.428,68	103,8%	103,5%	99,3%
- Diện tích tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị)			62.135,20	62.135,20			
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ							
<b>B. Chỉ tiêu tài chính</b>							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	162.334.749.064	169.213.227.244	185.068.414.115	176.394.379.812	109%	104%	95%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu							
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	162.334.749.064	169.213.227.244		176.394.379.812	109%	104%	
4. Giá vốn hàng bán	138.450.006.986	151.633.284.953		151.287.887.669	109%	100%	
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.884.742.078	17.579.942.291		25.106.492.143	105%	143%	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	36.906.506	32.651.880		22.179.429			
7. Chi phí tài chính	1.784.193.621	473.380.831		139.818.358			
8. Chi phí bán hàng							
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.985.096.360	12.263.996.110		16.578.556.090	185%	135%	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.152.358.603	4.875.217.230		8.410.297.124	64%	173%	
11. Thu nhập khác	291.137.389	13.610.747		13.745.455			
12. Chi phí khác	1.019.893.795	391.456.784		88.481.256			
13. Lợi nhuận khác	(728.756.406)	(377.846.037)		(74.735.801)			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.423.602.197	4.497.371.193		8.335.561.323	67%	185%	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.325.994	70.128.471		26.357.174			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
17. Chi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Định mức)	-	-		-			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	12.420.276.203	4.427.242.722	-	8.309.204.149	67%	188%	

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Hiền Hường

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2020

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Vũ Mạnh Hùng

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ so với KH (%)	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước (%)
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm (ha)	148.848,92	147.160,66	98,87	101,65
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?			-	-
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?			-	-
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm (triệu đồng)	175.395	167.866	95,71	102,42
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	185.068	176.285	95,25	104,31

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Hiền Hường

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2020

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Vũ Mạnh Hùng

**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
<b>1. Thuế</b>	49,71	710,57	700,97	59,32
- Thuế GTGT	5,02	6,25	5,02	6,25
- Thuế TNDN	44,69	26,36	44,69	26,36
Thuế TNCN		51,64	24,93	26,71
- Thuế Xuất, nhập khẩu				0,00
- Thuế đất		615,32	615,32	0,00
- Các khoản thuế khác		11,00	11,00	0,00
<b>2. Các khoản phải nộp khác</b>		0,03	0,03	0,00
- Phí, lệ phí		0,03	0,03	0,00
- Các khoản phải nộp khác				
<b>3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định</b>				

**B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	1.431,18			1.431,18
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	1.003,18	8.457,89	8.510,28	950,79
3. Quỹ thưởng VCQLDN	65,00	120,00	120,00	65,00
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Hiền Hường

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2020

CHỦ TỊCH CÔNG TY  
T.N.H.H  
MỘT THÀNH VIÊN  
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
THỦY LỢI  
SÔNG NHUỆ  
HÀ NỘI



Vũ Mạnh Hùng

**DÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước

Chi tiêu 1(tr.đồng)			Chi tiêu 2							Chi tiêu 3					Chi tiêu 4 Xếp loại	Chi tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN
Doanh thu và thu nhập khác			Lợi nhuận (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại				
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH	Xếp loại	TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)			TSNH/Nợ NH (lần)			
185.331	176.430	A	7.442	8.309,20	1.350.000	1.447.927	0,55	0,57	A	57.245	116.338	0,49	0	A	A	A	A

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Hiền Hường



**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp	Xếp loại hoạt động Người quản lý Doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
	Công ty ĐTPT Thủy lợi Sông Nhuệ	0,55	0,57	104,1	A	Tốt	Tốt

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2020

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Hiền Hường

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Vũ Mạnh Hùng

**CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Số Thứ tự	Tên Doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Tổng tài sản						Tổng nguồn vốn				Tỷ lệ sở hữu của nhà nước				
			Tổng số	Trong đó:					Nợ phải trả ngắn hạn	Nợ phải trả dài hạn	Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn)	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo		
				Tài sản ngắn hạn	Hàng tồn kho	Đầu tư tài chính ngắn hạn	Đầu tư tài chính dài hạn	Tài sản dài hạn								Nợ phải thu khó đòi	
2	Công ty ĐTVT Thủy Lợi Sông Nhuệ	Phục vụ SXNN	1.687.408,30	57.245,28	573,74	0,00	9.524,41	1.630.163,02	48.027,48		116.337,76	0,00	0,00	1.324.783,89	1.571.070,54	100%	100%
...																	

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Hiền Hương



**CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM...**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu VNĐ

Số Thứ tự	Tên Doanh nghiệp	Doanh thu		Lợi nhuận trước thuế		Lỗ		Phải nộp NSNN		Đã nộp NSNN		Lĩnh vực	Đầu tư ngoài ngành	
		Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Lỗ phát sinh	Lỗ Lũy kế	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo		Tổng giá trị khoản đầu tư	Năm trước
1	Công ty ĐTPT Thủy lợi Sông Nhuệ	176.430	169.259	4.497	8.336			50	59	469	701			
2														
....														

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Hiền Hường

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2020

**CHỦ TỊCH CÔNG TY**




**Vũ Mạnh Hùng**